

Số: ~~6238~~ /VKSTC-VP
V/v giao nhận xe ô tô phục vụ công
tác chung theo Đề án năm 2025

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Kính gửi:

- VKSND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng VKSND tối cao;
- Cơ quan điều tra VKSND tối cao;
- Trường Đại học Kiểm sát (*phân hiệu trường tại TP. Hồ Chí Minh*).

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-VKSTC ngày 19/8/2025 của VKSND tối cao về việc điều chỉnh chủng loại, giá mua xe ô tô và đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Văn phòng VKSND tối cao: số 325/QĐ-VP ngày 27/11/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Mua sắm xe ô tô 02 cầu, 07 chỗ phục vụ công tác chung theo Đề án năm 2025; số 326/QĐ-VP ngày 27/11/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 04: Mua sắm xe ô tô 12-16 chỗ phục vụ công tác chung theo Đề án năm 2025 thuộc dự toán "Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025";

Căn cứ Hợp đồng điện tử số HD2500206187_2512041642 ngày 05/12/2025 đối với gói thầu số 03 "Mua sắm xe ô tô 02 cầu, 07 chỗ phục vụ công tác chung theo Đề án năm 2025" thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025 giữa Văn phòng VKSND tối cao và Liên danh Nhà thầu Toyota Mỹ Đình - Toyota Thanh Xuân;

Căn cứ Hợp đồng điện tử số HD2500204112_2512021803 ngày 04/12/2025 Gói thầu số 04: Mua sắm xe ô tô 12-16 chỗ phục vụ công tác chung theo Đề án năm 2025 thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025 giữa Văn phòng VKSND tối cao và Công ty TNHH MTV kinh doanh ô tô Thanh Xuân;

Căn cứ Quyết định số ~~244~~ /QĐ-VKSTC ngày ~~09~~ /12/2025 của VKSND tối cao về việc điều chuyển xe ô tô phục vụ công tác chung theo Đề án năm 2025.

Văn phòng VKSND tối cao đề nghị VKSND các tỉnh, thành phố được trang bị xe chủ động, sắp xếp và bố trí tiếp nhận xe theo các thông tin sau:



I. XE Ô TÔ 7 CHỖ, 02 CẦU

1. Thông tin xe: Xe ô tô TOYOTA FORTUNER LEGEND 4x4 CE

- Số tự động 6 cấp
- Mới 100% chưa qua sử dụng, kính xe đã được dán phim;
- Màu sắc: Màu Đen;
- Sản xuất năm 2025.

(Thông số kỹ thuật tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Thông tin liên hệ

- Nhà thầu: Liên danh Nhà thầu Toyota Mỹ Đình - Toyota Thanh Xuân,
- Đầu mối liên hệ: Ông Phùng Tiến Trung, số điện thoại: 0961525888 hoặc Ông Trương Vũ Hoàng, số điện thoại: 0989226999.

3. Địa điểm và phương thức giao, nhận xe

Nhà thầu đã được cung cấp thông tin về đầu mối của các VKSND cấp tỉnh, Nhà thầu sẽ có trách nhiệm chủ động liên hệ với các đầu mối và bàn giao xe tại trụ sở Toyota gần nhất.

4. Thời gian giao xe: từ ngày 08/12/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

5. Giấy tờ kèm theo

- + Hóa đơn điện tử GTGT Toyota Mỹ Đình xuất bán Văn phòng VKSND tối cao (Bản gốc);
- + Hóa đơn GTGT xuất nối giữa các đại lý (Bản photo);
- + Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe ô tô, Rơ Moóc, Sơ mi rơ Moóc nhập khẩu (bản in điện tử có đóng dấu treo của Toyota Việt Nam);
- + Sách hướng dẫn sử dụng (Tiếng Việt)
- + Chứng nhận bảo hành của Toyota;

6. Thời hạn bảo hành: Xe Toyota Fortuner Legend 4x4 CE bảo hành 60 tháng hoặc 150.000 km tùy điều kiện nào đến trước trước kể từ khi toàn bộ các hàng hóa của gói thầu được nghiệm thu.

Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Được thực hiện tại Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình: Số 15 Phạm Hùng – phường Cầu Giấy - TP Hà Nội hoặc tại các trạm dịch vụ ủy quyền của Toyota Việt Nam trên toàn quốc.

7. Điều kiện, hướng dẫn bảo hành: Nội dung, điều kiện bảo hành cho hàng hóa cung cấp được thực hiện theo chính sách của hãng sản xuất và phải có sổ hoặc tài liệu bảo hành kèm theo:

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành. Ngay khi có hư hỏng Đơn vị sử dụng xe liên hệ với Bên cung cấp thông báo về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, và đưa xe đến các cơ sở bảo hành của Hãng để được bảo hành nếu được phát sinh do lỗi của Nhà sản xuất. Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 03 ngày

Địa điểm bảo hành: tại các địa điểm bảo hành của Toyota trên toàn quốc (có phụ lục chi tiết danh sách đại lý kèm theo khi giao xe).

II. XE Ô TÔ 12-16 CHỖ

1. Thông tin xe: Ford Transit Premium 16 chỗ

+ Loại xe: Xe ô tô Khách, 16 chỗ.

+ Nhãn hiệu: Ford

+ Số loại: TRANSIT JX6606TB-N6

+ Xuất xứ: Việt Nam

+ Chất lượng: Xe mới 100%, Năm sản xuất: 2025.

(Thông số kỹ thuật tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Thông tin liên hệ:

- Nhà thầu: Công ty TNHH MTV kinh doanh ô tô Thanh Xuân

- Đầu mối liên hệ: Ông Nguyễn Văn Nam, số điện thoại: 0904375246.

3. Địa điểm và phương thức giao, nhận xe:

Nhà thầu đã được cung cấp thông tin về đầu mối của các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Nhà thầu sẽ có trách nhiệm chủ động liên hệ với các đầu mối và bàn giao xe tại trụ sở Các trung tâm bảo hành được ủy quyền của Ford Việt Nam gần nhất.

4. Thời gian giao xe: từ ngày 08/12/2025 đến hết ngày 05/01/2026.

5. Thời hạn bảo hành: Toàn bộ sản phẩm do nhà thầu cung cấp phải được bảo hành theo đúng phụ lục kèm theo. Thời gian bảo hành là 36 tháng hoặc 100.000 km (tùy điều kiện nào đến trước) và được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao xe ô tô đưa vào sử dụng.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý KHÁC:

- Số lượng xe được phân bổ tại Phụ lục 02 kèm theo Công văn này. Các đơn vị nhận xe lưu ý nhận đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan đến việc đăng ký, đăng kiểm, bảo hành,...

- Chỉ nhận hàng đúng với tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng nêu tại Phụ lục 01 (đính kèm Hợp đồng mua bán hàng hoá);

- Đơn vị nhận xe cần ký và đóng dấu trước vào Biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa theo mẫu đính kèm (05 bản);

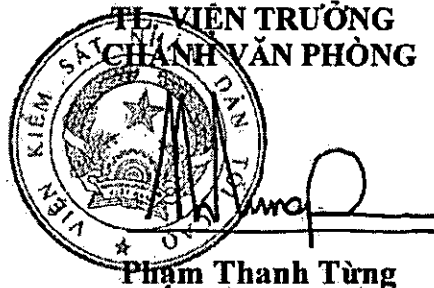
- Sau khi giao, nhận xe xong đơn vị cần giao lại cho Nhà thầu cấp 05 Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa để là Nhà thầu làm các thủ tục thanh toán với VKSND tối cao (*Nhà thầu sẽ giữ 04 bản và gửi lại 01 bản cho đơn vị sau khi ký đóng dấu*).

Trên đây là một số nội dung cần lưu ý để các đơn vị tiếp nhận, bàn giao xe, quản lý và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đơn vị báo cáo về Văn phòng VKSND tối cao (*Đồng chí Nguyễn Thị Minh Ngọc, Kế toán viên Phòng Quản trị; số điện thoại 0965.08.03.98*) để phối hợp giải quyết.

VKSND tối cao thông báo để các đơn vị biết, phối hợp thực hiện. / . *m*

Nơi nhận:

- Như trên (để th/h);
- Đ/c Nguyễn Huy Tiên, VT VKSTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Đức Thái, PVT VKSTC (để b/c);
- Lãnh đạo VP (để biết);
- Lưu: VT, VP, P.Quản trị, P.Tài vụ.



PHỤ LỤC 01
THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE Ô TÔ
 (Kèm theo Công văn số 238/VKSTC-VP ngày 10/12/2025)

I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE 02 CẦU, 07 CHỖ

TT	Danh mục thông số	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu
I	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
1	Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)	4795 x 1855 x 1835
2	Chiều dài cơ sở (mm)	2745
3	Chiều rộng cơ sở trước (mm)	1545
4	Chiều rộng cơ sở sau (mm)	1555
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	279
6	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	5,8
7	Trọng lượng không tải (kg)	2050
8	Trọng lượng toàn tải (kg)	2620
9	Số người cho phép chở (kể cả người lái)	07
II	ĐỘNG CƠ	
1	Loại động cơ	Động cơ xăng, 4 xy lạnh thẳng hàng
2	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5
3	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng điện tử
4	Dung tích công tác (cc)	2 694
5	Công suất tối đa (kW)	122
6	Mô men xoắn tối đa (N.m)	245
7	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	80
III	HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH	
1	Hệ thống truyền động	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử
2	Hộp số	Tự động, 6 cấp
3	Hệ thống treo trước/sau	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng/ Phụ thuộc, liên kết 4 điểm
4	Vành và Lốp xe	265/60R18
-	Loại vành	Mâm đúc
-	Kích thước lốp	265/60R18
-	Lốp dự phòng	Mâm đúc
5	Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa
6	Hệ thống lái có trợ lực	Thủy lực biến thiên theo tốc độ

TT	Danh mục thông số	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu
IV	NGOẠI THẤT	
1	Cụm đèn trước	
-	Đèn chiếu gần	LED
-	Đèn chiếu xa	LED
-	Đèn chiếu sáng ban ngày	Có
-	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
-	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Tự động
-	Chế độ đèn chờ dẫn đường	Có
2	Cụm đèn sau	LED
3	Đèn sương mù trước	LED
4	Đèn sương mù sau	Có
5	Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba)	LED
6	Gương chiếu hậu ngoài	
-	Chức năng điều chỉnh điện	Có
-	Chức năng gập điện	Có
-	Tích hợp đèn báo rẽ	Có
7	Gạt mưa trước/sau	Có
8	Chức năng sấy kính sau	Có
9	Màu sơn	Đen
V	NỘI THẤT	
1	Tay lái 3 chấu, bọc da, ốp gỗ, mạ bạc	Có
-	Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay
-	Điều chỉnh	Chỉnh tay 4 hướng
-	Lẫy chuyển số	Có
2	Gương chiếu hậu trong	Có chống chói tự động
3	Ghế	
-	Chất liệu bọc ghế	Da
-	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 8 hướng
-	Điều chỉnh ghế hành khách phía trước	Chỉnh điện 8 hướng
4	Hệ thống điều hòa	Tự động, 2 vùng
5	Hệ thống âm thanh	

TT	Danh mục thông số	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu
-	Màn hình	Màn hình cảm ứng 9 inch
-	Số loa	11
6	Chìa khóa thông minh,	Có
7	Khóa cửa điện	Có
8	Chức năng khóa cửa từ xa	Có
9	Cửa sổ điều chỉnh điện 1 chạm, chống kẹt tất cả các cửa	Có
10	Cốp điều khiển điện	Có
11	Hệ thống điều khiển hành trình	Có
VI	TRANG BỊ AN TOÀN	
1	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có
2	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có
4	Hệ thống cân bằng điện tử	Có
5	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Có
6	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
7	Hệ thống hỗ trợ đỗ dèo	Có
8	Camera 360	Có
9	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe tại các góc trước và sau	Có
10	Đèn báo phanh khẩn cấp	Có
11	Túi khí	Có
-	Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có
-	Túi khí bên hông phía trước	Có
-	Túi khí rèm	Có
-	Túi khí đầu gối người lái	Có
12	Cảnh báo điểm mù + Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE 12-16 CHỖ

TT	Danh mục thông số	Thông số kỹ thuật
A	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
1	Kích thước toàn thể (mm)	5.998 x 2.068 x 2.775
2	Khoảng cách hai cầu xe (mm)	3.750
3	Khoảng cách hai bánh xe trước/ sau (mm)	1.734/1.759
4	Bán kính vòng quay nhỏ nhất (mm)	6.700
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	150
B	ĐỘNG CƠ	
6	Loại động cơ	Turbo Diesel 2.3L - TDCi, Trục cam kép, có làm mát khí nạp / DOHC
7	Dung tích xylanh (cc)	2296
8	Công suất cực đại (ps/rpm)	171 (126 kW) / 3200
9	Momen xoắn cực đại (N.m/rpm)	425 / 1400 - 2400
10	Dung tích thùng nhiên liệu (L)	80
11	Ly hợp	Đĩa ma sát khô, dẫn động bằng thủy lực
C	TRUYỀN ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TREO	
12	Hộp số	6 cấp số sàn
13	Trợ lực lái	Trợ lực thủy lực
14	Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập dùng lò xo trụ, thanh cân bằng và ống giảm chấn thủy lực
15	Hệ thống treo sau	Hệ thống treo phụ thuộc dùng nhíp lá với ống giảm chấn thủy lực
16	Lốp xe trước/sau	235 / 65R16C
17	Phanh trước/sau	Đĩa
D	NGOẠI THẤT	
18	Màu vỏ xe	Bạc, Nâu, Cát Vàng, Trắng, Đen
19	Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước	LED, tự động bật đèn
20	Đèn LED chiếu sáng ban ngày	Có
21	Hệ thống gạt mưa tự động	Có
22	Đèn sương mù trước	LED
23	Gương chiếu hậu	Chỉnh điện/gập điện
24	Bạc bước chân điện	Có
25	Cửa trượt điện	Có
26	Chấn bùn trước/sau	Có
E	NỘI THẤT	

TT	Danh mục thông số	Thông số kỹ thuật
30	Điều hoà nhiệt độ	Tự động
31	Cửa gió điều hòa hành khách	Có
32	Chất liệu ghế	Ni kết hợp Vinyl
33	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh 6 hướng, có tựa tay
34	Điều chỉnh hàng ghế sau	Điều chỉnh ngả, có tựa tay
35	Hàng ghế cuối gập phẳng	Có
36	Tay nắm hỗ trợ lên xuống	Có
37	Giá hành lý phía trên	Có
38	Cửa kính điều khiển điện (1 chạm lên xuống cho hàng ghế trước)	Có
39	Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình 12.3"
40	Màn hình trung tâm	Màn hình TFT cảm ứng 12.3"
41	Kết nối Apple Carplay & Android Auto	Không dây
42	Hệ thống âm thanh	AM/FM, Bluetooth, USB, 6 loa
43	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có
44	Cổng sạc USB cho hàng ghế sau	Có
F	AN TOÀN	
45	Túi khí phía trước cho người lái	Có
46	Túi khí cho hành khách phía trước	Có
47	Dây đai an toàn đa điểm cho tất cả các ghế	Có
48	Camera lùi	Có
49	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe sau	Có
50	Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / ABS & EBD	Có
51	Hệ thống Cân bằng điện tử (ESP)	Có
52	Hệ thống Kiểm soát hành trình	Có
53	Hệ thống Chống trộm	Có

PHỤ LỤC 02
SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ XE CỦA CÁC ĐƠN VỊ
(Kèm theo Công văn số /VKSTC-VP ngày /12/2025)

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG XE	
		02 cầu 07 chỗ	12-16 chỗ
1	An Giang	11	-
2	Bắc Ninh	4	3
3	Cà Mau	5	2
4	Cần Thơ	7	-
5	Cao Bằng	-	1
6	Đà Nẵng	5	4
7	Đắk Lắk	7	2
8	Điện Biên	1	-
9	Đồng Nai	9	1
10	Đồng Tháp	7	1
11	Gia Lai	8	2
12	Hà Nội	8	2
13	Hà Tĩnh	5	1
14	Hải Phòng	6	1
15	TP. Hồ Chí Minh	13	2
16	Hưng Yên	5	1
17	Khánh Hòa	4	1
18	Lai Châu	1	-
19	Lâm Đồng	3	5
20	Lạng Sơn	1	-
21	Lào Cai	-	2
22	Nghệ An	4	1
23	Ninh Bình	4	3
24	Phú Thọ	10	2
25	Quảng Ngãi	9	-
26	Quảng Ninh	4	1
27	Quảng Trị	5	1
28	Sơn La	2	1
29	Tây Ninh	6	2
30	Thái Nguyên	5	-
31	Thanh Hóa	7	-
32	Huế	2	1
33	Tuyên Quang	5	1
34	Vĩnh Long	9	-
35	Văn phòng VKSND tối cao	12	1

36	Cơ quan điều tra	15	-
37	Trường Đại học Kiểm sát (Phân hiệu trường tại TP. Hồ Chí Minh)	1	-
TỔNG CỘNG		210	45

* Lưu ý: Số lượng phân bổ theo Quyết định số 148/QĐ-VKSTC ngày 19/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh chủng loại, giá mua xe ô tô và đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025.